| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/**2025**/DS-ST
Ngày: 27/02/2025
*V/v: "Tranh chấp quyền về lối đi qua, quyền về cấp thoát nước, quyền về mắc đường dây tải điện qua BĐS liền kề"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Hoàng Thị Tuyết**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

**1.** Ông **Nguyễn Hoàng Phúc**

2. Ông **Nguyễn Thanh Vân**

- ***Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà **Phạm Thị Mai Đình -** thư ký tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà **Phạm Linh Duy**- Kiểm sát viên.

Ngày 27/02/2025, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 352/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp quyền về lối đi qua, quyền về cấp thoát nước, quyền về mắc đường dây tải điện qua bất động sản liền kề"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn:* Ông Phạm Nhựt T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: A, ấp P, xã P (xã Amới) huyện C, tỉnh Bến Tre

*2.Bị đơn*: Ông Lê Văn T1, sinh năm 1976;

Địa chỉ: F, ấp P, xã P (xã A mới), huyện C, tỉnh Bến Tre.

*3.Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: A, ấp P, xã P (xã A mới), huyện C, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông T trình bày:*

Ông đứng tên thửa đất số 332, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã P (nay là xã A) huyện C, tỉnh Bến Tre. Để đi ra lộ thì ông phải đi qua phần đất thuộc thửa đất số 1023, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã P (nay là xã A) huyện C, tỉnh Bến Tre của ông Lê Văn T1, 02 thửa đất giáp lộ của bà Tuyết M. Đường đi qua đất của ông T1 đã có từ lâu, có nhiều hộ dân cùng đi trong đó có hộ gia đình ông. Còn đi qua đất của gia đình bà M thì có nhiều hộ cùng đi trong đó có cả gia đình ông và gia đình ông T1.

Gia đình ông, gia đình ông T1 và các hộ khác có hùn tiền đổ đan trên phần đất bà Tuyết M cho các hộ đi nhờ; còn ở thửa đất ông và các hộ đi nhờ trên đất của ông T1 chỉ là bờ đất có rải đá mi, không có cây trồng gì trên đất.

Thời gian gần đây ông và ông Lê Văn T1 có xảy ra mâu thuẫn liên quan đến việc nuôi thú cưng và một số vấn đề khác nên ông T1 không cho gia đình ông đi đường điện, đường dẫn ống nước sinh hoạt, không cho gia đình ông đi trên lối đi thuộc phần đất của ông T1 đứng tên quyền sử dụng đất. Sau đó ông T1 đã rào lối đi lại, đưa chìa khóa cho các hộ khác, và chỉ chừa cho gia đình ông đi lối đi rộng khoảng 40cm gây khó khăn cho việc đi lại bình thường của gia đình ông; còn hộ bà Tuyết M ở ngoài đầu lộ thì vẫn cho gia đình ông đi lại bình thường.

Nay ông làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T1 mở lại lối đi (chiều ngang khoảng 02 mét, chiều dài khoảng 20 mét) qua phần đất của ông Lê Văn T1, thửa đất số 1023, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã P (nay là xã A), huyện C, tỉnh Bến Tre. Theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất do chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp thì thửa đất ông yêu cầu ông T1 mở cho ông lối đi, cho ông được mắc đường dây dẫn điện, đặt đường nước sinh hoạt ngầm là thửa 1023 -1 và 1023-2 tờ bản đồ 03 tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. Phần lối đi ông yêu cầu mở ở phía ngoài có 01 trụ bê tông, cổng rào lưới B40, không có cây trồng, công trình kiến trúc gì khác .Ông đồng ý bồi hoàn giá trị tài sản thiệt hại do mở lối đi, đặt đường dẫn nước sinh hoạt ngầm cho ông T1 theo giá Hội đồng định giá đã xác định. Đối với đồng hồ nước ông đang đặt nhờ trên đất của ông T1 thì ông tự nguyện di dời về phần đất của ông.

Kết quả đo đạc, thẩm định, định giá, ông đồng ý và không có yêu cầu gì khác. Chi phí tố tụng, ông T tự nguyện chịu.

*Tại bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa ông Lê Văn T1 trình bày:*

Ông không có tranh chấp về lối đi qua với ông T. Thửa đất số 1023, tờ bản đồ 03 tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre là do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Để đi ra lộ công cộng thì ông T đi qua đất của ông. Ở phần đất của ông thì trước dây có một bờ đất nhỏ, cha của ông có để cho hộ phía trong đi do họ có hỏi xin cha ông đi nhờ. Sau này một vài hộ dân về đây sinh sống đi bờ đất này, đi lâu ngày thành lối đi như hiện nay. Phần đất của ông T do cha ông T tặng cho. Trước đây phần đất của ông T là đất lúa, cha ông T đi theo nhiều hướng, dọc các bờ kênh để vào đất. Sau này, cha ông T thấy những hộ dân kia đi qua bờ mà cha ông cho các hộ dân này đi nên cũng tự ý đi mà không hỏi ý kiến của cha ông cũng như ông sau này. Cha của ông rồi đến ông cũng cho gia đình ông T đi bờ đất này mà không đòi hỏi điều kiện gì. Đến nay, gia đình ông T đã đi qua đất của ông khoảng mười mấy năm.

Ngoài đi qua đất của ông ra lộ công cộng thì ông T cũng phải đi qua đất bà Hai L. Thời gian trước, ông đã đại diện các hộ dân gần đó có đi nhờ qua đất bà ba T, ông hai L (tên gọi ở nhà) góp tiền làm đường đan, ông T cũng có góp tiền làm đoạn đường này. Còn phần đất mà ông dành cho các hộ đi thì là đường đất, có rải ít đá mi lên trên; không có cây trồng gì trên đất.

Thời gian gần đây, ông và ông T có mâu thuẫn liên quan đến việc nuôi thú cưng (do con chó của ông T cắn chết con mèo kiểng của con gái ông ở gần cổng nhà ông). Bên cạnh vụ việc đó, thậm chí tấm lưới B40 ông T1 rào nhờ từ nhà sau của ông T qua phần đất của ông để bảo quản tài sản phía trong của gia đình ông và có cả gia đình ông T nhưng ông T cũng kêu gia đình ông tháo dỡ.

Mặc dù lối đi qua thửa đất của gia đình ông là thuận tiện nhất với gia đình ông T nhưng nay hai bên đã mâu thuẫn ông không muốn liên quan gì đến ông T nên ông có thông báo ông T tự tìm lối đi mới. Sau một thời gian thông báo thì ông mới rào lưới B40 phần lối đi lại, chỉ chừa khoảng 40 cm cho gia đình ông T đi lại tạm thời. Ngoài lối đi qua đất của ông thì gia đình ông T có thể đi qua cây cầu đang bắc qua mương rồi đi nhờ qua đất của người bà con; hay đi vòng qua khoảng 06 thửa đất khác là tới lộ.

Nay ông T khởi kiện, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, yêu cầu ông T không được đi trên phần đất của ông, yêu cầu ông T di dời đường dây dẫn điện,

đồng hồ nước, đường nước sinh hoạt ra khỏi thửa đất số 1023, tờ bản đồ 3 tại xã A, huyện C tỉnh Bến Tre do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu H1 trong quá trình tố tụng có ý kiến trình bày như sau:*

Bà thống nhất với nội dung trình bày của ông T. Ngoài lối đi nhờ qua đất của ông T1 thì gia đình bà không còn lối đi, khoảng không gian để dẫn đường điện, phần đất để dẫn đường nước sinh hoạt nào khác. Do đó, bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Phần lối đi khác mà ông T1 trình bày rất bất tiện cho việc đi lại vì nếu đi cây cầu bắc qua mương thì cây cầu này nhỏ, chủ đất họ bắc cầu để đi tạm trong vườn của họ, đi qua cầu thì cũng phải đi vòng trong vườn của họ chứ không phải có lối đi; Nếu đi theo hướng khác thì phải xin đi nhờ qua rất nhiều hộ dân, đi vòng bờ kênh nhưng giờ họ đã lên vườn rào đất lại hết nên rất khó để đi. Do đó, lối đi qua đất của ông T1 vẫn là lối đi duy nhất, gần và thuận tiện nhất của gia đình bà.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục về tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Những người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc mở lối đi qua bất động sản liền kề: Buộc ông Lê Văn T1 mở cho ông Phạm Nhựt T lối đi các thửa 1023-1 (34,7m$^2$) 1023-2 (2,2m$^2$) thuộc một phần thửa đất số 1023 tờ bản đồ 03 tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Lê Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn lại giá giá trị đất phù hợp cho phía bị đơn.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn dời đường dây dẫn điện ra khỏi phần đất 1023 tờ bản đồ 03.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Văn T1 buộc ông Phạm Nhựt T di dời đồng hồ nước ra khỏi phần đất 1023 tờ bản đồ 03 đường dẫn nước sinh hoạt có thể dẫn ngầm dưới phần đất yêu cầu mở lối đi.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp "*Tranh chấp quyền về lối đi qua, quyền về cấp thoát nước, quyền về mắc đường dây tải điện qua bất động sản liền kề"* quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[2] Về nội dung:

Ông Phạm Nhựt T yêu cầu ông Lê Văn T1 mở cho ông lối đi, cho ông được mắc đường dây dẫn điện, đường nước sinh hoạt đặt ngầm tại thửa 1023 -1 và 1023-2 tờ bản đồ 03 tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Lê Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Lê Văn T1 không đồng ý với với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu ông T không được đi trên thửa đất của ông, di dời đường dây dẫn điện, đồng hồ nước, đường nước sinh hoạt ra khỏi thửa đất 1023 tờ bản đồ 03 tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét yêu cầu đương sự thấy rằng:

[2.1] Phần đất của ông T thuộc thửa số 332, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại xã P (A), huyện C, tỉnh Bến Tre, bị vây bọc bởi các thửa đất liền kề, từ phần đất này muốn ra lộ công cộng phải đi nhờ qua phần đất thuộc thửa 1023 cùng tờ bản đồ 03 của ông Lê Văn T1. Lối đi này đã được hình thành từ trước khi hộ ông T về đây xây nhà sinh sống, được các hộ phía trong sử dụng làm lối đi ra lộ công cộng. Xuất phát từ nguyên nhân mâu thuẫn của hai gia đình trong quá trình nuôi vật nuôi và một số mâu thuẫn khác nên ông T1 đã rào chắn lối đi trên phần đất của mình giao chìa khóa cổng cho các hộ khác, chừa lại khoảng trống khoảng 40cm, nguyên đơn chỉ có thể đi bộ vào nhà. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn mở lối đi qua phần đất do ông Lê Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện qua họa đồ là các thửa 1023-1 (34,7$m^2$) 1023-2 (2,2$m^2$).

[2.2] Ông T1 thừa nhận rằng trên phần đất ông đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã hình thành lối đi từ rất lâu từ thời cha của ông T đã sử dụng để ra lộ công cộng. Hiện nay, ngoài gia đình ông T còn có 05 hộ dân khác sử dụng lối đi

này để đi vào nhà, vào vườn đất của họ. Qúa trình giải quyết vụ án, ông T1 có trình bày ông T nếu không đi qua đất của ông thì có để đi theo lối đi khác nhưng cũng chính ông T1 thừa nhận lối đi qua đất của ông là thuận tiện nhất, là đất trống, không có cây trồng trên đất.

[2.3] Qúa trình xác minh của Tòa án với các hộ dân xung quanh cũng thể hiện, ông T, cha ông T đã đi qua thửa đất của ông T1 từ rất nhiều năm; ông T cùng ông T1 và các hộ dân khác cùng nhau góp tiền đổ đan phần lối đi nhờ qua đất của bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông hai L đoạn giáp lộ công cộng. Ngoài lối đi qua đất ông T1 thì ông T không có lối đi nào khác.

Như vậy, phần đất thuộc thửa 332 hiện tại chỉ có một lối đi ra lộ công cộng, không còn lối đi nào khác. Vị trí  lối đi nguyên đơn yêu cầu mở cũng chính là vị trí lối đi cũ mà hộ ông T và các hộ dân khác đang đi nhờ trên đất của ông T1; có một bên giáp mương, một bên giáp tường rào (sân, nhà cùa ông T1 ); trên đất chỉ có rải đá mi, không có cây trồng gì. Vị trí lối đi này được xem là ít ảnh hưởng nhất đến việc sử dụng đất của ông Lê Văn T1.

Do đó, căn cứ vào Điều 254 Bộ Luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Lê Văn T1 phải mở cho ông T lối đi thuộc thửa 1023-1 và thửa 1023-2, tờ bản đồ 03 tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

[2.4] Do yêu cầu mở lối đi của ông T được chấp nhận nên ông T có nghĩa vụ hồi hoàn giá trị đất cho ông T1  là 39,6 $m^2$ x 800.000 đ = 31.680.000 đồng (ba mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng) và giá trị cổng rào tại phần mở lối đi là 3.909.000 (ba triệu chín trăm linh chín ngàn đồng). Tổng cộng ông T có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị tài sản cho ông T1 là 35.589.000 đồng (*ba mươi lăm triệu năm trăm tám mươi chín ngàn đồng*).

***[3] Về yêu cầu mắc đường dây dẫn điện và đường dẫn nước sinh hoạt của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn:***

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 8/11/2024 đã thể hiện phía trên lối đi ông T yêu cầu mở có nhiều đường dây dẫn diện trong đó có đường điện của ông T dẫn từ trụ điện nhà nước vào nhà của ông T. Trên đất còn có 02 đồng hồ nước của gia đình ông T và 01 hộ khác.

Xét thấy đối với đường dây dẫn diện, ngoài gia đình nguyên đơn còn có các hộ dân khác sử dụng, các dây dẫn điện nằm bên trên không gian lối đi không ảnh hưởng

đến việc quản lý sử dụng đất của ông T1, căn cứ 255 BLDS quy định về mắc đường dây tải điện, thông tin liên lạc qua bất động sản khác "Chủ sở hữu bất động sản có quyền mắc đường dây tải điện, thông tin liên lạc qua bất động sản của các chủ sở hữu khác một cách hợp lý, nhưng phải bảo đảm an toàn và thuận tiện cho các chủ sở hữu đó; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường" do đó yêu cầu của ông T1 về việc buộc ông T dời đường dây dẫn diện ra khỏi đất là không có cơ sở.

Đối với đồng hồ nước, đường dẫn nước sinh hoạt: Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện dời đồng hồ nước về phía đất của nguyên đơn nhưng yêu cầu được đặt đường nước sinh hoạt (đặt ngầm) tại vị trí thửa đất yêu cầu Tòa án mở lối đi. Xét thấy, việc nguyên đơn yêu cầu được đặt đường nước trong phạm vi lối đi (đặt ngầm dưới lòng đất chứa lối đi) cũng ít ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của ông T1, phù hợp với quy định tại Điều 252 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận; Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông T1, ông T có nghĩa vụ di dời đồng hồ nước ra khỏi thửa 1023 tờ bản đồ 03 của ông T1 về thửa đất thuộc quyền sử dụng đất của ông T và tự chịu chi phí này.

[4] Do ông T đã có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị đất cho ông T1 khi được mở lối đi nên ông T không phải bồi hoàn thêm giá trị quyền sử dụng đất cho ông T1 khi đặt đường nước sinh hoạt (đặt ngầm dưới lòng đất). Tuy nhiên, khi ông T lắp đặt đường dẫn nước sinh hoạt nếu gây thiệt hại cho ông T1 thì phải bồi thường theo quy định pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng trong vụ án là 2.845.000 đồng *(hai triệu tám trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)* ông T tự nguyện chịu (đã quyết toán xong).

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng

Do yêu cầu phản tố của ông T1 được chấp nhận một phần nên ông T có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải bồi hoàn cho ông T1, cụ thể là 35.589.000 đ x 5% = 1.779.450 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi đồng)

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 252, 253, 254, Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26, 35, 147, 157, 165, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

***Tuyên xử:***

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Nhựt T đối với ông Lê Văn T1.

Buộc ông Lê Văn T1 có nghĩa vụ mở cho ông Phạm Nhựt T lối đi tại vị trí thửa 1023-1(diện tích 34,7 $m^2$), thửa 1023 -2 (diện tích 2,2 $m^2$), thuộc một phần thửa đất 1023 tờ bản đồ 03 do ông Lê Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. Về chiều rộng, chiều dài của lối đi được thể hiện cụ thể tại các thửa đất 1023-1 ; 1023-2 do chi nhánh V đăng ký đất đai cung cấp.

(*Có họa đồ hiện trạng dừ dụng đất kèm theo*)

[2] Ông T được quyền cải tạo đất tại các 1023-1(diện tích 34,7 $m^2$), thửa 1023 -2 (diện tích 2,2 $m^2$), thuộc một phần thửa đất 1023 tờ bản đồ 03 do ông Lê Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm lối đi thuận tiện.

[3] Ông T có nghĩa vụ hồi hoàn giá trị đất, tài sản trên đất cho ông T1 tổng số tiền là 35.589.000 đồng (*ba mươi lăm triệu năm trăm tám mươi chín ngàn đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Ông T được quyền mắc đường dây dẫn điện, đặt đường dẫn nước sinh hoạt (đặt ngầm) trong phạm vi các thửa đất 1023-1(diện tích 34,7 $m^2$), thửa 1023 -2 (diện tích 2,2 $m^2$), thuộc một phần thửa đất 1023 tờ bản đồ 03 do ông Lê Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Ông T có nghĩa vụ di dời đồng hồ nước ra khỏi thửa đất 1023 tờ bản đồ 03 do ông Lê Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre và tự chịu chi phí di dời.

[6] Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T1 đối với phần lối đi mà ông Phạm Nhựt T, được quyền sử dụng tại thửa đất 1023-1(diện tích 34,7 $m^2$), thửa 1023 -2 (diện tích 2,2 $m^2$), thuộc một phần thửa đất 1023 tờ bản đồ 03 do ông Lê Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ông Phạm Nhựt T được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T1 đối với phần lối đi ông Phạm Nhựt T được quyền sử dụng; phần vị trí thửa đất mà ông T được quyền mắc đường dây dẫn điện, đặt đường dẫn nước sinh hoạt (đặt ngầm) và tuân thủ các điều kiện đảm bảo an toàn, thuận tiện trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

[7] Về chi phí tố tụng trong vụ án là 2.845.000 đồng, (*hai triệu tám trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)* ông T tự nguyện chịu (đã quyết toán xong)

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T1 có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006526 ngày 10/02/2025 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông T1 đã nộp xong án phí.

Ông T có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.779.450 đồng. Tổng cộng ông T phải nộp số tiền án phí là 2.079.450 đồng (hai triệu không trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi đồng) nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003142 ngày 01/10/2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông T còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 1.779.450 đồng (*một triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi đồng*).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận:*** **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

-TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THADS huyện Châu Thành;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Thị Tuyết**

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện Châu Thành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

-Chi cục THADS huyện Châu Thành;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

**Hoàng Thị Tuyết**